TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 563/2019/HC-PT
Ngày: 17 - 6 - 2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.
Các Thẩm phán: 1/ Ông Trần Đức Nam.
2/ Ông Lê Nam Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hưởng- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 6 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 28/2018/TLPT-HC ngày 11/9/2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính";

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 31/7/2018 của Toà án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1553/2019/QĐPT-HC ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2727/2019/QĐPT-HC ngày 25/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 3418/2019/QĐPT-HC ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942 (có mặt).
Địa chỉ: 175 B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:
2.1. Ủy ban nhân dân Quận E (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).
Địa chỉ: 45 F, phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E:

Ông Nguyễn Phước H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

Địa chỉ: 45 F, phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E:

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1984 – Phó trưởng phòng Nghiệp vụ 2 – Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E (có mặt).

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1980 – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E (vắng mặt).

- Ông Trần Quốc S, sinh năm 1980 – Phó Trưởng phòng tiếp công dân – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường D, Quận E.

Địa chỉ: 05 G, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D, Quận E: Bà Lê Thị Kim T- Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị - Môi trường Ủy ban nhân dân phường D (có yêu cầu vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 19/12/2018).

Do có kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/5/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Theo bản án ly hôn số 05/2004/LHST ngày 06/4/2004 của Tòa án nhân dân Quận E thì bà được hưởng phần đất có diện tích 3.895,84 m^2 tại địa chỉ 175, B, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc 1 phần thửa 16 và một phần đường, tờ bản đồ số 64, phường D, Quận E (Theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 224, 225, 226, tờ bản đồ số 2, xã H, huyện K). Toàn bộ phần đất trên thuộc dự án Mở rộng B 2.

Ngày 11/8/2008, Ủy ban nhân dân Quận E đã ban hành Quyết định số 6021/QĐ – UBND – TNMT (gọi tắt là QĐ 6021 ngày 11/8/2008) về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng B (giai đoạn II) tại phường L và phường D, Quận E, theo đó thu hồi diện tích 5.608,63m^2 đất của bà.

Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 311/QĐ – UBND – TNMT (gọi tắt là QĐ 311 ngày 12/01/2009) về việc điều chỉnh QĐ 6021 ngày 11/8/2008 của Ủy ban nhân dân Quận E, theo đó điều chỉnh một phần nội dung thu hồi phần đất có diện tích 5.608,63 m2 thành thu hồi phần đất có diện tích 3.895,84 m^2.

Ngày 26/02/2009, bà đã bàn giao toàn bộ diện tích đất trên để thực hiện dự án. Tuy nhiên, bà chỉ nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với diện tích đất là 2.393,44m^2 và không khiếu nại, phần còn lại là 1.502,4 m^2 nằm trên hàng lang tuyến ống nước đã bàn giao mặt bằng nhưng chưa lãnh tiền đền bù vì chờ hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/3/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E đã ban hành Quyết định số 3697/QĐ – UBND (gọi tắt là QĐ 3679 ngày 25/3/2011) về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với Bà Tcó căn nhà (thửa đất) số thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64, phường D. Bồi thường bổ sung cho bà số tiền là 237.501.900 đồng. Ngày 04/4/2011 Bà Tnhận được QĐ 3679.

Không đồng ý, nên ngày 18/4/2011 bà đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận E về việc ban hành Quyết định áp giá bồi thường không đúng quy định bởi gia đình Bà Tđã bàn giao toàn bộ nhà đất từ ngày 26/02/2009.

Ngày 11/9/2014, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 3932/QĐ – UBND (gọi tắt là QĐ 3932 ngày 11/9/2014) về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung cho bà với tổng số tiền là 11.480.841.846 (mười một tỷ bốn trăm tám mươi triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng). Quyết định này, bà nhận được vào ngày 18/8/2014 và nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

Tại Tòa, bà rút lại yêu cầu hủy bảng chiết tính số 28/BS – TĐ ngày 07/3/2011 và bảng chiết tính 28/BS – TĐ ngày 24/7/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E.

Bà giữ nguyên yêu cầu hủy QĐ 3697 ngày 25/3/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và QĐ 3932 ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E vì lý do: Ủy ban nhân dân Quận E ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ thiệt hại chậm trễ, không đúng pháp luật, dẫn đến việc khiếu nại kéo dài cho đến khi

có Công văn số 1469/BTNMT – TTR ngày 18/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết khiếu nại, kết quả là chấp nhận khiếu nại của gia đình bà. Việc Ủy ban nhân dân Quận E chiết tính bồi thường, hỗ trợ không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà vì vậy bà yêu cầu phải bồi thường cho bà khoản tiền lãi theo mức lãi suất bậc thang đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ trong thời gian Ủy ban nhân dân Quận E chậm trễ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà đúng pháp luật.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E- do ông Nguyễn Phước H là Chủ tịch làm đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày:*

Bà T yêu cầu Tòa án hủy QĐ 3697 ngày 25/03/2011 và QĐ 3932 ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E; đề nghị hỗ trợ lãi suất từ thời điểm bàn giao đất (năm 2009) đến nay là không có cơ sở bởi lẽ: Căn cứ Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, ngày 23/02/2009, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần đất nông nghiệp vị trí mặt tiền đường diện tích 2.393,44m^2 với đơn giá 162.000 đồng/m^2, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư diện tích 2.393,44m^2 theo đơn giá 22.961.500 đồng/m^2 x 40% = 21.982.789.024 đồng. Đối với diện tích 1.502,4 m^2 đất nằm trên hành lang tuyến ống nước chưa tính chờ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện.

Ngày 23/6/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố có công văn số 2993/UBND – ĐTMT về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống cấp nước dọc B trên địa bàn Quận E và quận Thủ Đức.

Ngày 25/03/2011 và ngày 11/9/2014, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 3967 và QĐ 3932 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung phần diện tích đất nằm trên hành lang tuyến ống nước 1.250,01 m^2 với đơn giá 190.000 đồng/m^2; hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường diện tích 190 m^2 theo đơn giá 22.961.500 đồng/m^2 x 40% = 21.982.789.024 đồng là phù hợp Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ – CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân Quận E đã áp dụng đúng quy định của chính sách và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với phần nhà, đất giải tỏa của bà Nguyễn Thị T. Bà T đã đồng ý nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho nhà nước thực hiện dự án. Như vậy, việc bồi thường thu hồi đất đảm bảo thực hiện đúng theo trình tự thủ tục và thời gian quy định; không chậm nên không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Do Bà T chưa đồng ý về đơn giá hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, đã gửi đơn khiếu nại nhiều cấp yêu cầu tính bồi thường phần diện tích 1.250,01m^2 theo mức hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Đơn của Bà T đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tại công văn số 1469/BTNMT - TTr ngày 18/4/2013 với nội dung: "Giao Ủy ban nhân dân Quận E thực hiện hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với giá 9.184.600đồng cho 09 hộ gia đình, cá nhân với diện tích cụ thể như sau: ông V 215,81m^2; bà M 108,46m^2; bà A 95m^2; ông P 182,34m^2; bà M 189,90 m^2; ông T 190m^2; ông Q 190,05m^2; bà TH 190,08m^2; Bà T 1.390,56 m^2".

Ngày 11/9/2014, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 3932 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T phần diện tích đất nằm trên hành lang tuyến ống nước 1.250,01m^2 với đơn giá 190.000 đồng/m2, hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường theo kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đơn giá 9.184.600 đồng/m^2.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 3697 ngày 25/03/2011 và QĐ 3932 ngày 11/9/2014 đối với hộ Bà T trong dự án mở rộng đường B, giai đoạn 2 là phù hợp theo trình tự, thủ tục, chính sách và quy định của pháp luật. Theo cách giải quyết này thì quyền lợi của Bà T đã được đảm bảo một cách tốt nhất và có lợi nhất. Do đó, Bà Tđề nghị hỗ trợ lãi suất từ thời điểm bàn giao đất năm 2009 đến nay là không có cơ sở.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận E đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các Quyết định do Ủy ban nhân dân Quận E ban hành đối với nhà, đất nói trên của bà T.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E, ông Nguyễn Phước H có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày:*

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và đề nghị giữ nguyên nội dung Quyết định đã ban hành.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D ủy quyền bà Lê Thị Kim T làm đại diện ủy quyền có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày:*

Ngày 15/12/2008, Ủy ban nhân dân phường D đã ban hành Giấy xác nhận pháp lý số 163/UBND – XN đối với bà Nguyễn Thị T. Nay Ủy ban nhân dân phường D vẫn giữ nguyên nội dung xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất đối với bà T. Yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận E đã quyết định:*

Xử:

Hủy quyết định số 3697/QĐ – UBND ngày 25/3/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T có căn nhà (thửa đất số Một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc Ủy ban nhân dân Quận E Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hỗ trợ lại cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Hủy Quyết định số 3932/QĐ – UBND ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T có căn nhà (thửa đất số Một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc Ủy ban nhân dân Quận E Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hỗ trợ lại cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phải tính tiền hỗ trợ theo lãi suất bậc thang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, người bị kiện UBND Quận E và Chủ tịch UBND Quận E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận E.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy các Quyết định:

1/ Hủy quyết định số 3697/QĐ – UBND ngày 25/3/2011 của Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T.

2/ Hủy Quyết định số 3932/QĐ – UBND ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T.

Bà T yêu cầu xem xét quyền lợi cho bà, yêu cầu tính lãi suất bậc thang kể từ ngày 23/6/2009 là ngày Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 2993/UBND – ĐTMT về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống cấp nước dọc B trên địa bàn Quận E và quận Thủ Đức cho đến khi xét xử phúc thẩm và trừ đi số tiền lãi mà Bà Tđã nhận từ ngày 16/6/2017 mà UBND Quận E đã tính cho bà, đó là khoản thiệt hại mà UBND Quận E phải chịu do bồi thường chậm.

Đối với yêu cầu kháng cáo quá hạn của Bà T thì Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E có yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phân tích và xác định: Yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D, Quận E có đại diện theo ủy quyền – bà Lê Thị Kim T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa. Những người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia phiên tòa theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về kháng cáo của người bị kiện: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận E theo hướng không hủy Quyết định số 3697/QĐ – UBND ngày 25/3/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và Quyết định số 3932/QĐ – UBND ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E; buộc Ủy ban nhân dân Quận E tiếp tục bồi thường thêm phần tiền lãi do chậm thực hiện bồi thường từ thời điểm ngày 25/3/2011 đến thời điểm ngày 11/9/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D,

Quận E có đại diện theo ủy quyền – bà Lê Thị Kim T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính; Điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010; Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH2 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính thì còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 3697 ngày 25/03/2011 và QĐ 3932 ngày 11/9/2014 đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 98, 126, 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[5] Về tư cách tham gia tố tụng: QĐ 3697 ngày 25/03/2011 và QĐ 3932 ngày 11/9/2014 nêu rõ đối tượng được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là bà Nguyễn Thị T. Đồng thời, các con Bà T cũng có lời khai xác định phần tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại theo các quyết định nói trên là của bà T. Do vậy, án sơ thẩm xác định không đưa các con của Bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Thực hiện dự án mở rộng B (giai đoạn II) tại phường Lvà phường D, Quận E, ngày 11/8/2008, Ủy ban nhân dân Quận E đã ban hành QĐ 6021 về việc thu hồi đất diện tích 5.608,63m^2 đất của bà T.

Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 311 về việc điều chỉnh QĐ 6021 ngày 11/8/2008, theo đó điều chỉnh một phần nội dung thu hồi phần đất có diện tích 5.608,63m^2 thành thu hồi phần đất có diện tích 3.895,84m^2.

Ngày 26/02/2009, Bà Tđã bàn giao toàn bộ diện tích đất trên để thực hiện dự án, tuy nhiên, Bà Tchỉ nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với diện tích đất là 2.393,44m^2 và không khiếu nại, phần còn lại là 1.502,4m^2 nằm trên hàng lang tuyến ống nước đã bàn giao mặt bằng nhưng chưa được bồi thường vì chờ hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Tthừa nhận bà đồng ý chờ chủ trương của Nhà nước về tính bồi thường đối với phần đất nằm trên hành lang tuyến ống nước.

Ngày 23/6/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố có công văn số 2993/UBND – ĐTMT về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống cấp nước dọc B trên địa bàn Quận E và quận Thủ Đức. Tuy nhiên tại thời điểm này, Phương án tổng thể số 2206/PATT- BBT ngày 24/3/2008 không qui định việc hỗ trợ đối với phần đất trên hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước.

Căn cứ Phương án số 197/PA-HĐBT ngày 18/10/2010 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trong công trình đầu tư xây dựng B (giai đoạn II).

Căn cứ QĐ số 13986/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận E về duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trong công trình đầu tư xây dựng B (giai đoạn II).

Do vậy, ngày 25/3/2011, Ủy ban nhân dân Quận E đã ban hành QĐ 3697 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung cho Bà T số tiền 237.501.000 đồng, với đơn giá 190.000đồng/m^2, do Bà Tkhông đồng ý nhận tiền nên Ủy ban nhân dân Quận E đã gửi tiền vào ngân hàng ngày 26/4/2011. Đến ngày 18/4/2011, Bà T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận E và các cơ quan Trung ương.

Ngày 18/4/2013, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản số 1469/BTNMT – TTr báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất trong dự án mở rộng B, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Phú đối với dự án B trong đó có nội dung: "Kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận E thực hiện hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với giá 9.184.600 đồng/m^2 cho 09 hộ gia đình, cá nhân với diện tích cụ thể như sau: ông V 215,81m^2; bà M 108,46m^2; bà A 95m^2; ông P 182,34m^2; bà M 189,90m^2; ông T 190 m^2; ông Q 190,05 m^2; bà TH 190,08 m^2; Bà T 1.390,56 m^2".

Ngày 21/8/2013, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 7008/VPCP – V1 truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ: Đồng ý với văn bản số 1469/BTNMT – TTr ngày 18/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do vậy, ngày 11/9/2014, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ 3932 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với Bà Tcó căn nhà (thửa đất) số một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường D, Quận E, giải quyết lại đối với phần diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ tuyến ống nước theo loại đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, năm 2008 và năm 2009 là 1.250,1m^2 x

22.961.500 đồng x 40%. Tuy nhiên, quyết định này lại không áp dụng hỗ trợ tiền lãi suất cho bà T.

Ngày 18/9/2014 Bà Tnhận được QĐ 3932 và không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ nên Ủy ban nhân dân Quận E đã gửi toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung của Bà T vào ngân hàng từ ngày 04/12/2014. Như vậy, việc chậm thực hiện bồi thường cho Bà T là do có vướng mắc trong việc tính giá bồi thường.

Tại khoản 3 mục VI phần B của Phương án số 197/PA-HĐBT ngày 18/10/2010 qui định: "Trong khi chờ giải quyết tranh chấp và khiếu nại thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền qui định. Số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được xác định giao Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận liên hệ Ngân hàng thương mại để mở sổ tiền gửi tiết kiệm theo hình thức lãi suất bậc thang cho người bị thu hồi đất…..Khi người bị thu hồi đất đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì Ban bồi thường lập thủ tục chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất phát sinh theo qui định."

Tại Điều 46 Quyết định số 35/2010/QĐ-UB ngày 28/5/2010 của UBND.TP.HCM qui định: "Trong khi chờ giải quyết tranh chấp và khiếu nại thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền qui định. Số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được xác định giao tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng liên hệ với Ngân hàng thương mại để mở sổ tiền gửi tiết kiệm theo hình thức lãi suất bậc thang cho từng người bị thu hồi đất…..Khi người bị thu hồi đất đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì Ban bồi thường lập thủ tục chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất phát sinh theo qui định."

Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ và lời khai thừa nhận của các bên đương sự tại phiên toà phúc thẩm thì sau khi Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ số 3697 và QĐ số 3932, do Bà T không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Ủy ban nhân dân Quận E đã gửi khoản tiền bồi thường, hỗ trợ của Bà T vào Ngân hàng từ ngày 26/4/2011 và ngày 04/12/2014. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay, Bà T xác định đến ngày 16/6/2017 Bà T đã nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất phát sinh theo qui định.

Như đã nhận định ở trên thì việc chậm thực hiện bồi thường cho Bà T là do có vướng mắc trong việc tính giá bồi thường (chờ hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), nay Bà T yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Quận E, vì mặc dù có công văn số 2993/UBND – ĐTMT của Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn kể từ ngày

23/6/2009 cho đến ngày thực nhận tiền (ngày 16/6/2017) tương tự như trường hợp người dân không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Do vậy, chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất từ ngày 25-3-2011 (ngày ban hành QĐ 3697) cho đến ngày 11-9-2014 là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không cần thiết phải hủy QĐ 3697 và QĐ 3932 mà chỉ cần buộc Ủy ban nhân dân Quận E tiếp tục bồi thường, hỗ trợ thêm phần tiền lãi suất do chậm thực hiện bồi thường cho Bà T đối với phần diện tích đất 1.250,1m^2 x 22.961.500 đồng/m^2 x 40% cộng với lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương tính từ ngày 25-3-2011 đến 11-9-2014. Do đó, chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E.

Đối với kháng cáo quá hạn của Bà T Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn nên yêu cầu của Bà T không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T là không có căn cứ nên cần sửa án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần nên người bị kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Do Bà T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E.

Sửa 01 phần Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận E.

Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu:

Hủy quyết định số 3697/QĐ – UBND ngày 25/3/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T có căn nhà (thửa đất số Một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Quyết định số 3932/QĐ - UBND ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T có căn nhà (thửa đất số Một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà Tvề việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phải tính tiền hỗ trợ theo lãi suất bậc thang.

2. Buộc Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiếp tục bồi thường, hỗ trợ thêm phần tiền lãi suất do chậm thực hiện bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tính từ ngày 25-3-2011 đến 11-9-2014.

3. Án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà T không phải chịu. Hoàn lại số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số AD/2010/08760 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận E lập ngày 29/6/2012.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Ủy ban nhân dân Quận E số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0015530 ngày 30/8/2018 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0015531 ngày 30/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận E.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận E;
- Chi cục THADS Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú